

ゲームをするのが好きです



やすみの日はどんなことをして過ごしますか？

Bạn làm những gì vào ngày nghỉ?



1. 趣味は料理をすることです

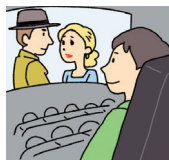
Cando
04趣味や好きなことについて、簡単に話すことができる。
Có thể nói một cách đơn giản về sở thích hay những việc yêu thích.

1 ことばの準備

Chuẩn bị từ vựng

【趣味】

a. 映画を見る



b. 音楽を聞く



c. 本を読む



d. おいしいものを食べる



e. 写真を撮る



f. ピアノ/ギターを弾く



g. おしゃべりをする



h. 料理をする



i. 旅行をする



j. テニスをする



k. ゲームをする



l. 寝る



(1) 絵を見ながら聞きましょう。🔊 02-01

Hãy vừa nghe vừa nhìn tranh.

(2) 聞いて言いましょう。🔊 02-01

Hãy nghe và nhắc lại.

(3) 聞いて、a-l から選びましょう。🔊 02-02

Hãy nghe và chọn từ a-l.

2 会話^{かいわ}を聞き^きましょう。

Hãy nghe hội thoại.

▶ 趣味^{しゅみ}について、7人^{にん}の^{ひと}が^{はな}話^{はな}しています。

7 người đang nói chuyện về sở thích.

(1) 趣味^{しゅみ}や好き^すなことは何^{なん}ですか。1のa-lから選^{えら}びましょう。

Sở thích hay những điều yêu thích của họ là gì? Hãy chọn từ a-j trong phần 1.

① 02-03	② 02-04	③ 02-05	④ 02-06	⑤ 02-07	⑥ 02-08	⑦ 02-09
,	,		,			

(2) ことば^{かくにん}を確認^きして、もういちど聞き^きましょう。02-03 ~ 02-09

Hãy xác nhận từ vựng và nghe lại một lần nữa.

いろいろ(な) nhiều, khác nhau | 話^{はな}す nói | 特^{とく}にない không có gì đặc biệtかたち ちゅうもく
形^{かたち}に注^{ちゅうもく}目(1) 音声^{おんせい}を聞^きいて、_____にことば^かを書^かきましょう。02-10

Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

趣味^{しゅみ}は何^{なん}ですか?映画^{えいが}を見^みる_____です。音楽^{おんがく}を聞^きく_____です。ゲームをす^する_____が好^すきです。人^{ひと}と話^{はな}す_____が大^{だい}好^すきです。! _____の前^{まえ}は、動^{どう}詞^しのど^{かたち}んな形^{つか}を使^{つか}っていましたか。→ 文^{ぶん}法^{ぽう}ノート ① ②

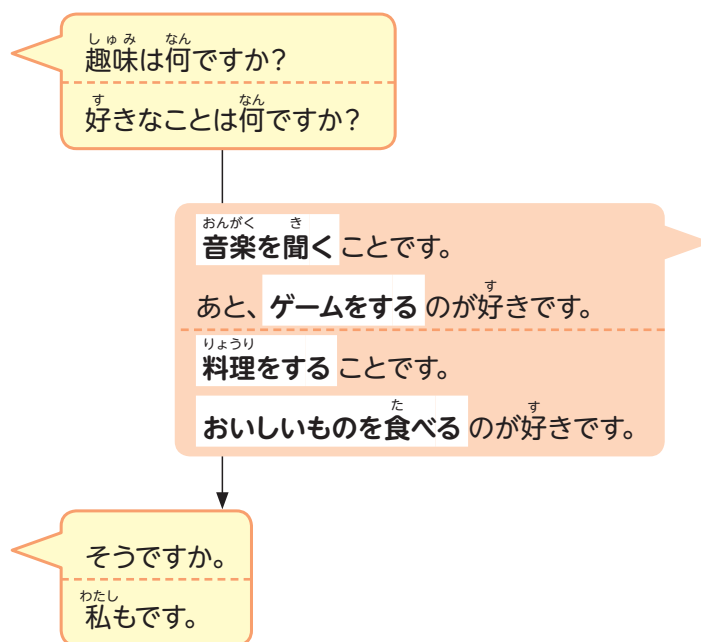
Dạng thức nào của động từ đã được sử dụng trước phần gạch chân?

(2) 形^{かたち}に注^{ちゅうもく}目^{めく}して、会^{かい}話^わをもういちど聞^ききましょう。02-03 ~ 02-09

Hãy chú ý đến cấu trúc ngữ pháp và nghe lại hội thoại một lần nữa.

3 趣味や好きなことについて話しましょう。

Hãy nói về sở thích hoặc những điều yêu thích.



(1) 会話を聞きましょう。 02-11 02-12

Hãy nghe hội thoại.

(2) シャドーイングしましょう。 02-11 02-12

Hãy luyện nói đuổi.

(3) 1 のことばを使って、練習しましょう。

Hãy sử dụng từ vựng trong phần 1 để luyện tập.

(4) 自分のことを話しましょう。

Hãy nói về bản thân mình.



2. やす ひ なに 休みの日は何をしますか？

Can-do
05

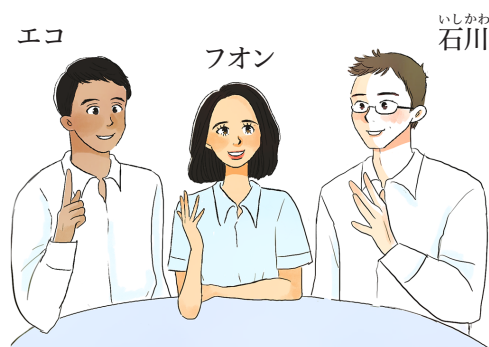
やす ひ す かた しつもん しつもん こた
休みの日の過ごし方について、質問したり、質問に答えたりすることができる。
Có thể hỏi, trả lời câu hỏi về những việc mình làm vào ngày nghỉ.

1 かいわ き 会話を聞きましょう。

Hãy nghe hội thoại.

かいしゃ やす じかん いしかわ
▶ 会社の休み時間に、エコさんとフオンさんと石川さんが
やす ひ す かた はな
休みの日の過ごし方について話しています。

Trong giờ nghỉ ở công ty, Eco, Hương và Ishikawa đang nói chuyện về những việc họ làm vào ngày nghỉ.



(1) はじめに、スクリプトを見ないで会話を聞きましょう。 02-13

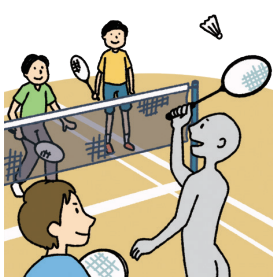
にん やす ひ す かた えら
3人の休みの日の過ごし方は、どれですか。a-cから選びましょう。

Trước tiên, hãy nghe hội thoại mà không nhìn lời thoại. 3 người làm gì vào ngày nghỉ? Chọn từ a-c.

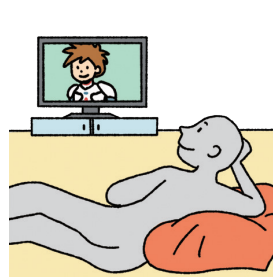
a.



b.



c.



フオンさん	エコさん	いしかわ 石川さん

(2) スクリプトを見ながら聞きましょう。 02-13

なに なに なに す い
何を、どこで、だれとしますか。また、3人は何が好きだと言っていますか。

Hãy nhìn lời thoại và nghe lại một lần nữa. Họ làm gì, ở đâu, cùng với ai? Ngoài ra, 3 người nói họ thích cái gì?

	フオンさん	エコさん	いしかわ 石川さん
なに 何を?			
どこで?			
だれと?		—	
なに す 何が好き?			

エコ：フォンさんは、休みの日は何をしますか？

フォン：私は、たいいてい友だちとバドミントンをします。私はスポーツが大好きです。

石川：へえ、バドミントン。どこで？

フォン：市の体育館でします。

毎週、夕方までバドミントンをして、そのあと、みんなでご飯を食べます。

本当に楽しいです。

エコ：いいですね。

石川：エコさんは？

エコ：ぼくは、休みの日は、たいいてい家でアニメを見ます。

フォン：どこにも出かけませんか？

エコ：出かけるのは、あまり好きじゃありません。うちで、ゆっくりするのが好きです。

石川：どんなアニメを見るの？

エコ：日本のアニメです。特に、ジブリの映画が好きです。

フォン：そうですか。

エコ：石川さんは、休みの日は何をしますか？

石川：うーん、ぼくは、子どもと公園。

フォン：そうですか。公園で何をしますか？

石川：キャッチボール。ぼくは、野球が好きでね。見るのもするのも。

フォン：そうですか。お子さんは何歳ですか？

石川：8歳と5歳。子どもとキャッチボール、楽しいよ。

～の？

会話の中で使う疑問の
表現

Cách diễn đạt câu hỏi sử
dụng trong hội thoại

市 thành phố | 体育館 nhà thể chất | 毎週 hằng tuần | 夕方 buổi chiều tối | 本当に thật sự

ぼく tôi, tớ (一般的に男性が使う thường được dùng bởi nam giới) | 出かける đi ra ngoài | 特に đặc biệt là

キャッチボール chơi bắt bóng | お子さん con (của người khác)



かたち ちゅうもく
形に注目

(1) 音声^{おんせい}を聞いて、^き_____にことば^かを書きましょう。🔊 02-14
 Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

とも
友だち_____バドミントンをします。

し たいいくかん
市の体育館_____します。

まいしゅう ゆうがた
毎週、夕方までバドミントンを_____、そのあと、みんなでご飯^{はん}を_____。

❗ いっしょにする相手^{あいて}を言うとき、どんな助詞^いを使っていましたか。➡ 文法ノート③
 Trợ từ nào đã được sử dụng khi nói về người cùng thực hiện hành động?

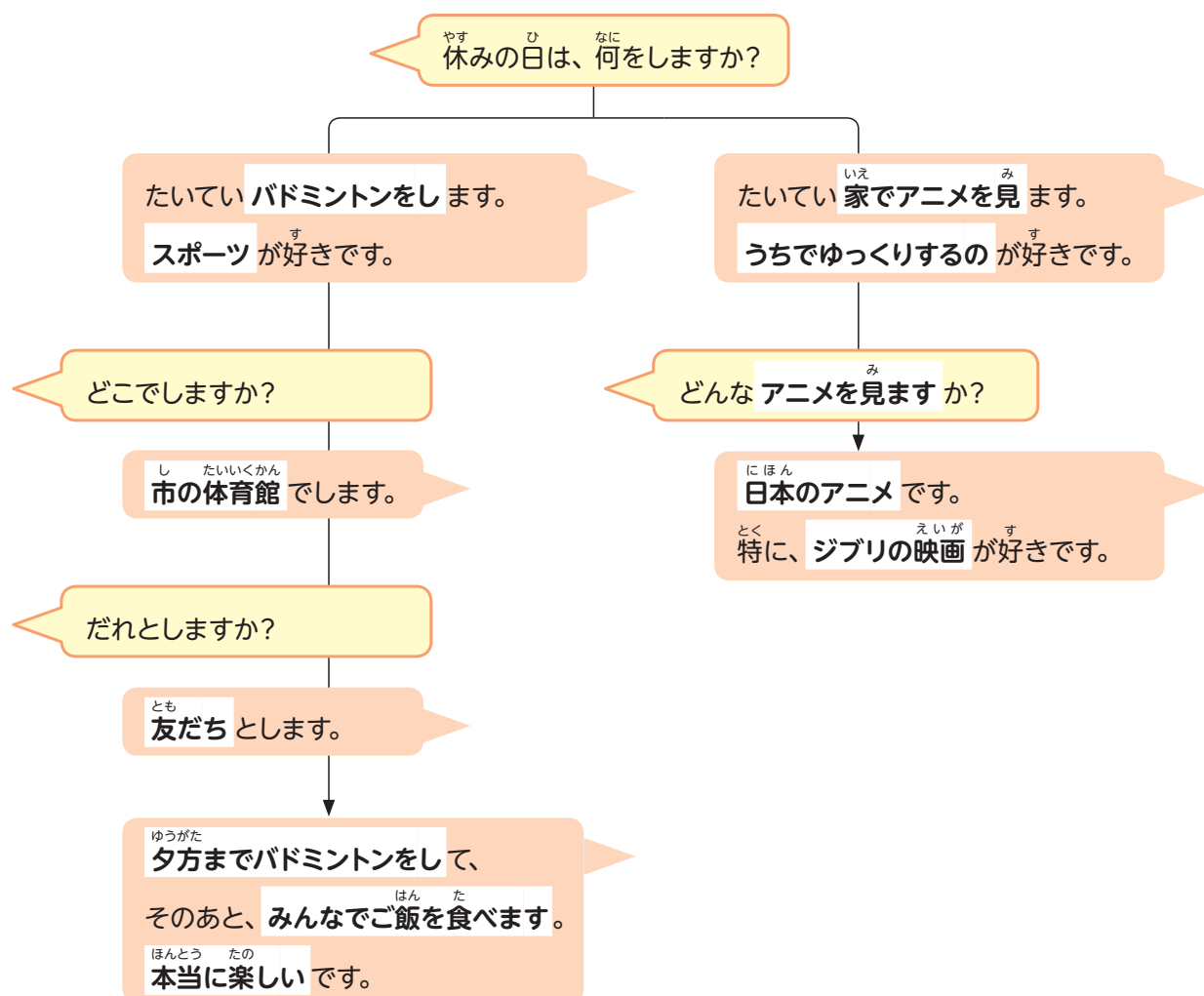
❗ する場所^{ばしょ}を言うとき、どんな助詞^いを使っていましたか。➡ 文法ノート③
 Trợ từ nào đã được sử dụng khi nói về địa điểm thực hiện hành động?

❗ することを順番^{じゅんばん}に言うとき、動詞^いのどんな形^{どうし}を使っていましたか。➡ 文法ノート④
 Dạng thức nào của động từ đã được sử dụng khi nói về trình tự các hành động?

(2) 形^{かたち}に注目^{ちゅうもく}して、会話^{かいわ}をもういちど聞き^きましょう。🔊 02-13
 Hãy chú ý đến cấu trúc ngữ pháp và nghe lại hội thoại một lần nữa.

2 やす ひ はな 休みの日にすることを話しましょう。

Hãy nói về những việc mình làm trong ngày nghỉ.



- (1) か い わ き 会話を聞きましょう。🔊 02-15 🔊 02-16

Hãy nghe hội thoại.

- (2) シャドーイングしましょう。🔊 02-15 🔊 02-16

Hãy luyện nói đuổi.

- (3) じぶん はな い 自分 の こと を 話 しましょ う。言 いた い こと ば が 日 本 語 で わ か ら な い と き は、し ら 調べ しましょ う。

Hãy nói về bản thân mình. Tra cứu nếu bạn không biết từ mà mình muốn nói bằng tiếng Nhật.



3. スタッフ紹介

Can-do
06

みせ しせつ は しょうかい よ かぞく しゅみ りかい
店や施設などに貼られているスタッフ紹介を読んで、家族や趣味などについて理解することができる。
Có thể đọc chuyên mục giới thiệu nhân viên được dán ở các cửa hàng, toà nhà, v.v. và hiểu về gia đình, sở thích, v.v. của họ.

1 スタッフ紹介を読みましょう。

Hãy đọc nội dung giới thiệu nhân viên dưới đây.

こくさいこうりゅうきょうかい けいじばん は
▶ 国際交流協会の掲示板に、スタッフ紹介が貼ってあります。

Trên bảng tin của Hiệp hội Giao lưu Quốc tế có dán nội dung giới thiệu nhân viên.

(1) 次のことは、どこに書いてありますか。印をつけましょう。

Những nội dung dưới đây được viết ở đâu? Hãy đánh dấu.

A. 趣味・好きなこと

Sở thích và những điều yêu thích

B. 休みの日にすること

Những việc làm trong ngày nghỉ

C. 勉強していること／習っていること

Những thứ đang học



①

②

③

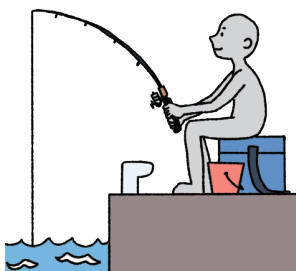
 あき おと むすめ にんかぞく 夫と娘の3人家族です。 しゅみ 趣味は、おいしいものを た 食べる。やす ひ 休みの日は、 たいい 公園に います。 ねが よろしくお願いします。	 たかし アウトドアが大好き。 しゅみ 趣味はサイクリング、キャンプ。 やす ひ 休みの日は、よく海や 山に行きます。 いま 中国語を勉強しています。 みなさんの国のことばも 教えてください。	 フローリ フィリピン人です。 しゅみ 趣味は料理。いけななを 習っています。 日本語、英語、フィリピン語、 スペイン語(少し)ができます。 ひとと話すのが大好きです。 いっしょにおしゃべりしましょう。
---	---	--

(2) 次の a-f は、だれにあてはまりますか。(1) で印をつけたところを見て、整理しましょう。

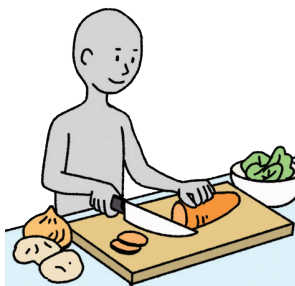
Tranh a-f dưới đây đúng với ai? Hãy xem phần bạn đã đánh dấu ở (1) và điền vào bảng.

①あきさん	②たかしさん	③フローリさん

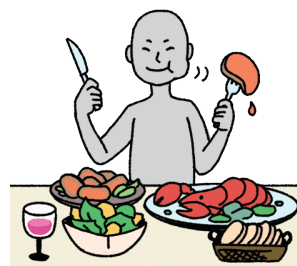
a.



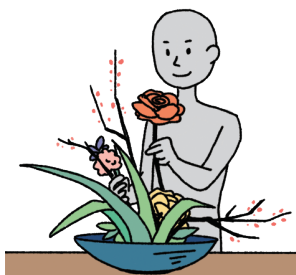
b.



c.



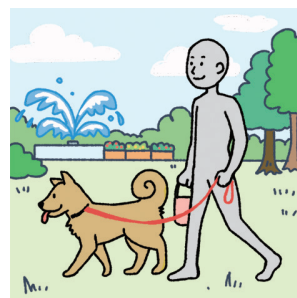
d.



e.



f.



① 娘 むすめ con gái | 3人家族 にんかぞく gia đình có 3 người (～人家族 にんかぞく gia đình có ～ người) | 犬 いぬ con chó

② キャンプ かむぷ cắm trại | つり つり câu cá | 海 うみ biển | 山 やま núi | 中国語 ちゅうごくご tiếng Trung Quốc (～語 ご tiếng ～)

ことば ことば ngôn ngữ

③ フィリピン人 じん người Philippines (～人 じん người ～) | 習う なら học | 英語 えいご tiếng Anh



かたち ちゅうもく 形に注目

(1) _____にことばを書きましょう。

Hãy điền từ vào chỗ trống.

おっと むすめ _____ かぞく
夫と娘の _____ 家族です。

いけばなを _____ なら
習って _____。

ちゅうごくご べんきょう
中国語を勉強して _____。

にほんご えいご _____ ご
日本語、英語、フィリピン語、スペイン語が _____。

! かぞく にんずう い
家族の人数を言うとき、どんな言い方をしていましたか。

Cách nói nào đã được sử dụng khi nói về số người trong gia đình?

! なら _____ い _____ かたち つか
習っていることを言うとき、どんな形を使っていましたか。 → 文法ノート ⑤

Cấu trúc nào đã được sử dụng khi nói về những thứ đang học?

! できることばを言うとき、どんな形を使っていましたか。 → 文法ノート ⑥

Cấu trúc nào đã được sử dụng khi nói về ngôn ngữ mà mình biết?

(2) _____ き _____ い
聞いて言いましょう。

Hãy nghe và nhắc lại.

にんずう 人数 số người  02-17					
何人?	なんにん	3人	さんにん	7人	ななにん／しちにん
		4人	よにん	8人	はちにん
1人	ひとり	5人	ごにん	9人	きゅうにん
2人	ふたり	6人	ろくにん	10人	じゅうにん

2 あきさん、たかしさん、フローリさんの3人の中で、だれと話がしたいですか。どんな質問をしたいですか。

Bạn muốn nói chuyện với ai trong 3 người Aki, Takashi, Flori? Bạn muốn đặt câu hỏi gì cho họ?



4. 自己紹介

Can-do
07

職場に掲示するスタッフ紹介用に、自分の趣味や休みの日にすることなどを簡単に書くことができる。
Có thể viết một cách đơn giản về sở thích, những việc làm trong ngày nghỉ của bản thân, v.v. cho chuyên mục giới thiệu nhân viên được đăng ở nơi làm việc.

1 自己紹介を書きましょう。

Hãy viết lời giới thiệu bản thân.

- ▶ 職場の掲示板に貼るスタッフ紹介を書くことになりました。
Bạn phải viết nội dung giới thiệu nhân viên để đăng lên bảng tin ở nơi làm việc.

(1) どんなことを書くか考えて、メモしましょう。

Hãy suy nghĩ xem bạn sẽ viết gì và ghi chú lại.

メモ

- 趣味・好きなこと Sở thích và những điều yêu thích:
 (例：料理)
- 休みの日 Ngày nghỉ:
- 勉強していること／習っていること Những thứ đang học:
- その他 Khác:

(2) 書きましょう。

Hãy viết lời giới thiệu bản thân.

photo

2 ほかが人が書いた自己紹介を読みましょう。

Hãy đọc nội dung giới thiệu bản thân của người khác.

ちょうかい
聴解スクリプト1. しゅみ りょうり
趣味は料理をすることです

① 02-03

A：趣味は何ですか？

B：映画を見ることです。あと、本を読むのも好きです。

A：私もです。

② 02-04

A：趣味は何ですか？

B：趣味？ うーん、音楽を聞くことです。あと、ゲームをするのが好きです。

A：へー。

③ 02-05

A：趣味は何ですか？

B：旅行です。いろいろな国に行くのが好きです。

A：いいですね。

④ 02-06

A：趣味は何ですか？

B：料理をすることです。私はおいしいものを食べるのが大好きです。

A：そうですか。

⑤ 02-07

A：好きなことは何ですか？

B：好きなこと？ おしゃべりです。人と話すのが大好きです。

A：私もです。

⑥ 02-08

A：好きなことは何ですか？

B：テニスが好きです。テニスは、するのも見るのも大好きです。

A：そうですか。

⑦  02-09

A：好きなことは何ですか？

B：特とくにないですね。好きなことは、寝ねること。家いえでごろごろするのが好きです。

A：ああ……。

第2課 ゲームをするのが好きです

かん 漢 じ 字 の こ と ば

1 よ ん で、い み か く に ん 読んで、意味を確認しましょう。

Hãy đọc và xác nhận nghĩa của các từ dưới đây.

ひと
人

人

人

えい ご
英語

英語

英語

にん
~人おん が く
音楽

音楽

音楽

じん
~人なら
習う

習う

習う

いぬ
犬

犬

犬

はな
話す

話す

話す

か ぞ く
家族

家族

家族

で
出かける

出かける

出かける

ゆう が た
夕方

夕方

夕方

2 かん じ ちゅう い よ の漢字に注意して読みましょう。

Hãy chú ý chữ Hán có gạch chân và đọc các câu văn sau.

- ① 英語ができますか？
- ② 私は、人と話すのが大好きです。
- ③ 趣味は、音楽です。ギターを習っています。
- ④ 家族は4人です。あと、犬がいます。
- ⑤ 夕方、いっしょに出かけませんか？
- ⑥ 私の夫は日本人です。

3 うえ の ことばを、キーボードやスマートフォンで入力しましょう。

Hãy nhập các từ có gạch chân trên đây bằng bàn phím hoặc bằng điện thoại thông minh.

ぶんぽう
文法ノート

①

V- ることです

しゅみ えいが み
趣味は映画を見ることです。
Sở thích của tôi là xem phim.

- Có thể dùng mẫu câu 趣味はNです để nói về sở thích. Ví dụ: 趣味は旅行です (Sở thích của tôi là đi du lịch).
- Khi N (sở thích) được thể hiện dưới dạng động từ như 映画を見る (xem phim), 本を読む (đọc sách), chúng ta sử dụng cấu trúc ngữ pháp ～ことです bằng cách thêm こと vào sau động từ thể từ điển.
- こと có chức năng danh từ hóa động từ bằng cách thêm vào sau động từ thể từ điển.
- Với động từ có する đi kèm như 料理する hoặc 勉強する, có thể nói 趣味は料理をすることです hoặc 趣味は料理です (Sở thích của tôi là nấu ăn).
- 趣味を言うとき、「趣味は旅行です。」のように「趣味はNです」の形を使うことができます。
- N (趣味) にあたる部分が、「映画を見る」「本を読む」のように動詞表現になる場合は、動詞の辞書形のあとに「こと」をつけて、「～ことです」の形を使います。
- 「こと」は、動詞の辞書形について、動詞を名詞化する働きがあります。
- 「料理する」「勉強する」のように「する」がつく動詞の場合は、「趣味は料理をすることです。」「趣味は料理です。」のどちらの言い方もできます。

れい
[例] ▶ A : 趣味は何ですか?
Sở thích của bạn là gì?

B : 趣味? うーん、音楽を聞くことです。
Sở thích? À, sở thích của tôi là nghe nhạc.

②

V- るのが好きです

ゲームをするのが好きです。
Tôi thích chơi điện tử.

- Trong phần Nhập môn, chúng ta đã học mẫu câu Nが好きです, ví dụ スポーツが好きです (Tôi thích thể thao). Nếu sử dụng động từ thay vì danh từ thì thêm の vào sau động từ đó ở thể từ điển.
- Trợ từ の có chức năng danh từ hóa động từ giống như こと.
- Câu phủ định là ～のは好きじゃありません hoặc ～のは好きじゃありません.
- 『入門』では、「スポーツが好きです。」のように、「Nが好きです」という言い方を勉強しました。名詞の代わりに動詞を使う場合は、動詞の辞書形に「の」をつけます。
- 「の」は「こと」と同じで、動詞を名詞化する働きがあります。
- 否定文は「～のは好きじゃありません/～のは好きじゃありません」となります。

【例】 ▶ テニスは、するの^も見るの^も大好き^{だいす}です。
Tôi rất thích chơi và xem tennis.

で^で出かけるのは、あまり好き^すじゃないです。
Tôi không thích đi ra ngoài cho lắm.

3

【^{ひと}人】と V- ます
【^{ばしょ}場所】で

やす^{やす}ひ^ひの日は、たいてい友だち^{とも}と^{たいいくかん}体育館でバドミントン^{たいてい}をします。
Vào ngày nghỉ, tôi thường chơi cầu lông với bạn ở nhà thể chất.

- Đây là cách diễn đạt thể hiện địa điểm diễn ra hành động và người cùng thực hiện hành động.
- Trợ từ で biểu thị địa điểm, trợ từ と biểu thị người cùng thực hiện hành động. Có thể nói địa điểm trước hoặc người cùng thực hiện hành động trước đều được.
- 行為の場所、いっしょにする人を言うときの表現です。
- 助詞「で」は場所を、「と」は相手を示します。どちらを先に言うか、語順は自由です。

【例】 ▶ A: いつも、どこでサッカーをしますか？
Bạn hay chơi bóng đá ở đâu?
B: ^{こうえん}公園^{こうえん}でします。
Tôi chơi ở công viên.
A: だれとしますか？
Bạn chơi với ai?
B: ^{かいしゃ}会社^{とも}の友だちとです。
Với bạn cùng công ty.

4

V1-て、V2

まいしゅう^{まいしゅう}ゆうがた^{ゆうがた}毎週、夕方までバドミントンをして、そのあと、みんな^{みんな}でご飯^{はん}を食べ^たます。
Hàng tuần, chúng tôi chơi cầu lông đến chiều tối, sau đó ăn tối cùng nhau.

- Có thể dùng thể テ của động từ để nối câu khi muốn nói về 2 hay nhiều hành động, sự việc theo trình tự. Nếu nối バドミントン^たをします。そのあと、ご飯^{はん}を食べ^たます (Chúng tôi chơi cầu lông. Sau đó, chúng tôi ăn cơm.) thành 1 câu thì sẽ trở thành: バドミントン^たをして、ご飯^{はん}を食べ^たます。Tương tự, ご飯^{はん}を食べ^たます。そのあと、バドミントン^たをします (Chúng tôi ăn cơm. Sau đó, chúng tôi chơi cầu lông.) sẽ trở thành ご飯^{はん}を食べて、バドミントン^たをします。
- Mẫu câu này không chỉ dùng để nói về thói quen như các việc làm trong ngày nghỉ mà còn có thể dùng để nói về việc đã xảy ra trong quá khứ, mong muốn và dự định trong tương lai.
- 2つ以上の動作やできごとを順番に言うときは、動詞のテ形を使ってつなげます。「バドミントン^たをします。そのあと、ご飯^{はん}を食べ^たます。」は、1文にすると「バドミントン^たをして、ご飯^{はん}を食べ^たます。」になります。逆に、「ご飯^{はん}を食べ^たます。そのあと、バドミントン^たをします。」は、「ご飯^{はん}を食べて、バドミントン^たをします。」になります。
- 休みの過ごし方のような習慣だけではなく、過去のできごとを言う場合にも、今後の予定や希望を言う場合にも使われます。

【例】 ▶ 昨日は、バドミントンをして、そのあと、みんなでご飯を食べました。
Hôm qua, chúng tôi đã chơi cầu lông, sau đó ăn tối cùng nhau.

▶ 来週の日曜日は、バドミントンをして、そのあと、みんなでご飯を食べたいです。
Chủ Nhật tuần sau, tôi muốn chơi cầu lông, sau đó ăn tối cùng nhau.

5

V- ています ②

いけばなを習っています。
Tôi đang học cắm hoa nghệ thuật.

- 動詞のテ形+います thể hiện trạng thái hiện tại. Trong bài 1, mẫu câu này được dùng khi nói về nghề nghiệp, còn ở ví dụ này được dùng để nói về thói quen, hành động lặp đi lặp lại trong một khoảng thời gian nhất định.

• 「動詞のテ形+います」は現在の状態を表します。第1課では職業を言うときに使いましたが、ここでは、ある期間、くり返し行っていることや、習慣を言うときに使っています。

【例】 ▶ 週に1回、中国語を勉強しています。
Tôi đang học tiếng Trung Quốc tuần 1 buổi.

▶ 去年から、空手を習っています。
Tôi học karate từ năm ngoái.

▶ 毎朝、ジョギングをしています。
Tôi đi bộ mỗi sáng.

6

N ができます

日本語、英語、フィリピン語、スペイン語ができます。
Tôi có thể nói tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Philippines, tiếng Tây Ban Nha.

- できます (できる) (có thể) thể hiện việc sở hữu năng lực. Trong ví dụ này, cấu trúc này được sử dụng để thể hiện việc có năng lực nói các loại ngôn ngữ.

- Để nói về ngôn ngữ, chúng ta nói ~語, ví dụ như 日本語 (tiếng Nhật), 英語 (tiếng Anh).

- Ngoài ngôn ngữ ra, cũng có thể dùng khi nói về khả năng chơi thể thao, nhạc cụ, v.v..

• 「できます (できる)」は能力があることを表します。ここでは、言語を話す能力があることを言うときに使っています。

• 言語を言うときは、「日本語」「英語」のように「~語」という言い方をします。

• 言語以外にも、スポーツや楽器などができる場合にも使われます。

【例】 ▶ A: 日本語ができますか?
Bạn có nói được tiếng Nhật không?

B: はい、少しできます。
Có, tôi nói được một chút.

▶ 私はテニスができます。ピアノもできます。
Tôi có thể chơi tennis. Tôi cũng chơi được cả piano.

日本の生活
TIPS

やきゅう

● 野球 Bōryū

Một trong những môn thể thao được yêu thích nhất tại Nhật Bản từ ngày xưa là bóng chày. Các địa phương thường có đội bóng chày cho học sinh tiểu học. Bóng chày rất phổ biến như là một hoạt động câu lạc bộ trong các trường cấp 2, cấp 3. Đặc biệt, giải đấu "bóng chày các trường trung học" mà các câu lạc bộ trường cấp 3 ở mỗi tỉnh thành tham gia để quyết định đội bóng số 1 ở Nhật Bản là một trong những đặc trưng của mùa hè.

Bóng chày chuyên nghiệp ở Nhật Bản có tổng cộng 12 đội: 6 đội ở Central League (セリーグ), 6 đội ở Liên đoàn Pacific League (パリーグ). Mỗi đội bóng coi thành phố nơi có sân vận động chính như là nhượng quyền thương mại, tại đây có nhiều người hâm mộ cổ vũ nhiệt tình cho đội.



Cũng có nhiều người chơi bóng chày như là một sở thích. Có người còn lập đội bóng nghiệp dư, thi đấu vào ngày nghỉ. Bạn có thể nhìn thấy trẻ em, bố mẹ và con cái chơi ném bóng chày trong công viên vào dịp lễ hay cuối tuần. Đối với người Nhật, bóng chày là môn thể thao thân thuộc.

日本で昔から最も人気があるスポーツの1つが、野球です。地域にはたいてい小学生の野球チームがありますし、中学校や高校では、部活動としての野球が非常に盛んです。特に、各県の高校の野球部が日本一を決める「高校野球」は、夏の風物詩にもなっています。

日本のプロ野球のチームは、セントラルリーグ（セリーグ）6球団、パシフィックリーグ（パリーグ）6球団の、計12球団があります。それぞれの球団は、本拠地の球場がある都市をフランチャイズとしており、その地元では、チームを熱心に応援するファンが多くいます。

趣味として野球をする人も多くいます。アマチュアの野球チームを作って休日に試合をする人もいたり、休みの日の公園では、子ども同士や親子がキャッチボールをする姿が見られます。野球は日本人にとって、身近なスポーツです。

● いけばな Ikebana

Ikebana (nghệ thuật cắm hoa) là một trong những môn nghệ thuật truyền thống của Nhật Bản. Hoa, cỏ, cành cây được cắm trong lọ, bát để trang trí. Lớp học *ikebana* cũng được mở tại trung tâm văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng ở các địa phương. Có nhiều lớp học *ikebana* tổ chức buổi học trải nghiệm dành cho người mới bắt đầu. Vì vậy, nếu bạn quan tâm đến *ikebana*, trước hết hãy thử tìm đến các buổi học trải nghiệm.

いけばな（華道）は、日本の伝統的な芸術の1つで、花や草、枝を器に生けて飾ります。各地のカルチャーセンターや公民館などで、いけばな教室が開かれることもあります。いけばな教室では、初心者のための体験レッスンを行っていることも多いので、いけばなに興味をもったら、まず体験レッスンを探してみるといいでしょう。



● スタジオジブリ Studio Ghibli

Studio Ghibli là công ty sản xuất phim hoạt hình Nhật Bản của đạo diễn Miyazaki Hayao. Những bộ phim hoạt hình do Ghibli sản xuất được đánh giá cao trong và ngoài nước, cũng có nhiều tác phẩm nhận giải thưởng điện ảnh quốc tế. Một số tác phẩm tiêu biểu là "Hàng xóm của tôi là Totoro", "Sen và Chihiro ở thế giới thần bí", "Lâu đài bay của pháp sư Howl".

映画監督の宮崎駿が所属する、日本のアニメ制作会社です。ジブリの制作したアニメ映画は国内外で高く評価され、国際的な映画賞を受賞した作品も多くあります。代表作には、『となりのトトロ』『千と千尋の神隠し』『ハウルの動く城』などがあります。



Đạo diễn Miyazaki Hayao
映画監督 宮崎駿

● こくさいこうりゅうきょうかい 国際交流協会 Hiệp hội Giao lưu Quốc tế

Hiệp hội Giao lưu Quốc tế ở các tỉnh thành của Nhật Bản là tổ chức hỗ trợ người nước ngoài sinh sống tại khu vực, tiến hành hoạt động xúc tiến giao lưu với người dân địa phương. Ngoài ra, họ cũng mở lớp học tiếng Nhật cho người nước ngoài và tổ chức các sự kiện như cuộc thi ẩm thực giữa các nước, cuộc thi hùng biện tiếng Nhật, lễ hội giao lưu quốc tế quy mô lớn. Hiệp hội Giao lưu Quốc tế rất hữu ích đối với người nước ngoài sống tại Nhật nên các bạn thử tìm hiểu xem sao.

日本の各地にある国際交流協会は、地域に住む外国人を支援し、市民との交流を促進する活動を行っている団体です。外国人のための日本語教室を開催したり、各国料理大会や日本語スピーチコンテストのようなイベントを行ったり、また大規模な国際交流フェスティバルを開いたりする場合があります。日本に住む外国人にとっては、地域の国際交流協会は役に立つ存在ですので、調べてみるといいでしょう。



Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Toyonaka (ATOMS)
公益財団法人とよなか国際交流協会